TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1036/2023/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 09 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 59, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 865/2023/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số H đường N, ấp C, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số 02/2009 ngày 31/12/2009; mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được nên ông T và bà T1 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn; xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 02/8/2014. Ông T và bà T1 thống nhất giao 02 con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà T1 xác nhận không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông T và bà T1 xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Đôi bên xác nhận có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 02/8/2014; giao 02 con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung: Đôi bên xác nhận không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Đôi bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi bên phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông T và bà T1 đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0017849 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thạch Vũ